

Sổ tay doanh nghiệp



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CPTPP &

Ngành Dệt may Việt Nam



Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam



Thông tin trong Sổ tay này chỉ phục vụ mục đích tham khảo. Để biết nội dung chuẩn xác của cam kết, doanh nghiệp cần tra cứu Văn kiện chính thức (bản tiếng Anh) của Hiệp định.

Mọi quan điểm trong Sổ tay này là của Nhóm tác giả, không phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương hay Chương trình Aus4Reform.



Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Ngành Dệt may Việt Nam

Hà Nội, tháng 11 năm 2019

Lời mở đầu

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) giữa 11 nước (bao gồm Australia, Brunei, Canada, Chi-lê, Malaysia, Mexico, Nhật Bản, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam) đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019.

Là một Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tiêu chuẩn cao, mức cam kết mở cửa mạnh và có phạm vi cam kết bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại, đầu tư, quy tắc và thể chế, CPTPP dự kiến có tác động lớn tới hầu như tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế của Việt Nam.

Sổ tay doanh nghiệp “Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Ngành Dệt may Việt Nam” nằm trong Tuyển tập 10 Sổ tay doanh nghiệp do Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện trong khuôn khổ Hợp phần “Hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả CPTPP” của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform).

Sổ tay tóm tắt và diễn giải các cam kết CPTPP trong lĩnh vực dệt may, đánh giá các tác động dự kiến của các cam kết này đối với triển vọng phát triển của ngành và đưa ra các khuyến nghị cơ bản để doanh nghiệp trong ngành có thể tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức từ Hiệp định quan trọng này.

Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ về kỹ thuật của Chương trình Aus4Reform cho việc nghiên cứu, biên soạn và phổ biến Sổ tay này.

Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Mục lục

Phần thứ nhất

Các cam kết CPTPP liên quan tới ngành dệt may Việt Nam 8

Mục 1 – Các cam kết về thuế nhập khẩu 11

- 1 CPTPP có cam kết như thế nào về thuế nhập khẩu đối với dệt may? 12
- 2 Các nước CPTPP cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với dệt may Việt Nam như thế nào? 14
- 3 Việt Nam cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với hàng dệt may nhập khẩu từ các nước CPTPP như thế nào? 24
- 4 Lộ trình cắt giảm thuế quan thực tế của các nước Thành viên đã phê chuẩn CPTPP? 26

Mục 2 – Các cam kết khác trong CPTPP có tác động đáng kể tới ngành dệt may 29

- 5 Cam kết CPTPP về quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm dệt may? 31
- 6 Cam kết CPTPP về biện pháp tự vệ đặc biệt với dệt may? 35
- 7 CPTPP có cam kết gì về lao động? 37
- 8 CPTPP có cam kết gì đáng chú ý về môi trường? 41
- 9 Cam kết CPTPP về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)? 42

Phần thứ hai

Cơ hội, thách thức và khuyến nghị với ngành dệt may trong bối cảnh hội nhập CPTPP	44
10 Hiện trạng ngành dệt may Việt Nam?	46
11 Tình hình xuất khẩu dệt may Việt Nam?	50
12 Tình hình xuất nhập khẩu dệt may giữa Việt Nam và các nước CPTPP?	52
13 Triển vọng ngành dệt may Việt Nam?	56
14 Cơ hội đối với ngành dệt may Việt Nam từ CPTPP?	59
15 Thách thức từ CPTPP đối với ngành dệt may Việt Nam?	63
16 Dệt may Việt Nam cần chú ý điều gì để tận dụng các cơ hội từ CPTPP?	64

Danh mục Từ viết tắt

AANZFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Australia, New Zealand
AJCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN – Nhật Bản
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	FTA về thương mại hàng hóa trong ASEAN
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
EU	Liên minh châu Âu
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
MFN	Đối xử tối huệ quốc
SPS	Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
TBT	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
VCFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Chi-lê
VJEPA	Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản
WTO	Tổ chức thương mại thế giới



Phần thứ nhất

Các cam kết CPTPP
liên quan tới ngành
dệt may Việt Nam



Mục 1

Các cam kết về
thuế nhập khẩu



CPTPP có cam kết như thế nào về thuế nhập khẩu đối với dệt may?

Đối với các sản phẩm hàng hóa như dệt may, cam kết quan trọng nhất trong các FTA là cam kết của mỗi nước Thành viên về thuế quan áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ nước Thành viên khác. Trong CPTPP cũng như vậy, cam kết về thuế nhập khẩu là cam kết đáng chú ý nhất.

Cam kết về thuế quan trong CPTPP được nêu tại:

- Lời văn của Chương 2 - Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa
- Các Phụ lục của Chương 2 – Lộ trình cắt giảm thuế quan của mỗi nước thành viên CPTPP (mỗi nước có một hoặc các Biểu cam kết riêng)

Về mức cam kết, trong CPTPP, một số nước Thành viên CPTPP đưa ra mức cam kết mở cửa mạnh, trong khi một số nước khác lại có cam kết cắt giảm thuế quan tương đối dè dặt. Trong tổng thể, các cam kết thuế quan đối với dệt may của các nước được phân theo 03 nhóm:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi CPTPP có hiệu lực với phần lớn các dòng thuế quan đối với dệt may ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế quan theo lộ trình với một số sản phẩm dệt may nhất định (từ 3-16 năm tùy sản phẩm, tùy đối tác)
- Không cam kết thuế quan - giữ nguyên ở mức thuế MFN (duy nhất Nhật Bản, với 05 sản phẩm dệt may)

Ý nghĩa của cam kết về thuế quan đối với hàng nhập khẩu

Tương tự như bất kỳ FTA nào, cam kết về thuế quan trong CPTPP là cam kết của nước Thành viên về mức thuế nhập khẩu tối đa mà nước đó sẽ áp dụng cho từng loại hàng hóa nhập khẩu từ một nước Thành viên khác trong CPTPP.

Như vậy, nước thành viên CPTPP sẽ không thể áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước thành viên CPTPP khác mức thuế nhập khẩu cao hơn mức đã cam kết, theo lộ trình cam kết, nhưng nước thành viên CPTPP hoàn toàn có thể đơn phương hạ thuế quan xuống mức thấp hơn mức cam kết hoặc cắt giảm, loại bỏ thuế quan sớm hơn lộ trình cam kết.

Do đó, mức thuế áp dụng trên thực tế có thể bằng hoặc thấp hơn mức thuế cam kết, doanh nghiệp chỉ tham khảo mức cam kết trong CPTPP để biết mức thuế cao nhất có thể bị áp dụng, còn mức thuế thực tế áp dụng sẽ căn cứ vào Biểu thuế xuất nhập khẩu theo pháp luật nội địa của từng nước.



Các nước CPTPP cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với dệt may Việt Nam như thế nào?

Trong CPTPP, mỗi nước Thành viên đưa ra một Biểu cam kết thuế quan riêng, áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các nước Thành viên còn lại (trừ một số hạn hữu các trường hợp áp dụng thuế riêng cho từng nước/nhóm nước cụ thể trong CPTPP).

Trong Sổ tay này, cam kết của các nước thành viên CPTPP về dệt may được giới hạn ở các sản phẩm thuộc các Chương từ 50 đến 63 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (Hệ thống HS), trong đó:

- Các Chương 50-60 chủ yếu là nguyên phụ liệu, vật liệu dệt may (như xơ, sợi, vải...) và một số sản phẩm dệt (như thảm, các loại bậc, băng tải, nhãn, phù hiệu từ vật liệu dệt...)
- Các Chương 61-63 chủ yếu là quần áo; hàng may mặc phụ trợ; và các sản phẩm dệt hoàn thiện khác (như chăn, màn, khăn các loại, màn rèm vải, các sản phẩm dệt trang trí nội thất, bao túi...)

Các cam kết cắt giảm thuế quan cụ thể của thành viên CPTPP được tóm tắt như sau:

Cam kết thuế quan của Australia và New Zealand

Trong CPTPP, Australia có cam kết thuế quan với các mặt hàng dệt may của Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi CPTPP có hiệu lực với 745/911 (tương đương khoảng 81,8%) dòng thuế dệt may của Việt Nam

- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 3-4 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 166 dòng thuế còn lại, cụ thể:
 - Lộ trình 3 năm với 22/911 dòng thuế (quần áo đồng bộ từ sợi tổng hợp, áo jacket và áo khoác thể thao, các loại áo ngủ và bộ pyjama, bộ quần áo thể thao từ bông hoặc sợi tổng hợp...)
 - Lộ trình 4 năm với 144/911 dòng thuế, chủ yếu thuộc các mặt hàng may mặc

Trong CPTPP, New Zealand có cam kết thuế quan với các mặt hàng dệt may của Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi CPTPP có hiệu lực với 851/1045 (tương đương khoảng 81,4%) dòng thuế dệt may của Việt Nam
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 5-7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 194 dòng thuế còn lại, cụ thể:
 - Lộ trình 5 năm với 58/1045 dòng thuế ví dụ như len lông cừu bán lẻ có tỷ trọng lông cừu 85% trở lên; sản phẩm dệt từ sợi filament nhân tạo có trọng lượng trên 25 g/m² nhưng không quá 70 g/m²; thảm lông cừu hoặc lông động vật loại mịn, không có cấu tạo vòng lông, chưa hoàn thiện; vải dệt ngâm tẩm với poly; ...
 - Lộ trình 7 năm với 134/1045 dòng thuế ví dụ như len lông cừu chải thô dùng để sản xuất thảm; các loại vải dệt phủ tường; áo jacket và áo khoác thể thao; áo váy dài; các loại váy và quần váy; quần dài, quần ống chèn và quần soóc từ bông; áo phông; ...
 - NZ-Parts với 2 dòng thuế mã HS 6117.90.00 (các chi tiết của cà vạt, nơ con bướm và caravat) và 6217.90.00 (các chi tiết của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ, trừ các loại thuộc nhóm 62.12) - áp dụng mức thuế và lộ trình như thành phẩm sử dụng các nguyên liệu này

So sánh CPTPP với AANZFTA

Trước CPTPP, giữa Việt Nam và Australia, New Zealand đã có một FTA chung, là Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Australia, New Zealand (AANZFTA).

Trong AANZFTA, cả hai đối tác này cũng đã cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi AANZFTA có hiệu lực (năm 2010), đối với phần lớn dòng thuế dệt may của Việt Nam, một số dòng thuế khác sẽ cắt giảm và xóa bỏ theo lộ trình. Từ năm 2020, Australia và New Zealand sẽ xóa bỏ thuế quan cho toàn bộ hàng dệt may của Việt Nam theo AANZFTA.

Với lộ trình cắt giảm thuế chậm hơn, CPTPP không mang lại lợi thế thuế quan đáng kể so với AANZFTA mà chỉ tạo thêm một lựa chọn thuế quan ưu đãi cho doanh nghiệp.

Cam kết thuế quan của Canada

Trong CPTPP, Canada có cam kết thuế quan với các mặt hàng dệt may của Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi CPTPP có hiệu lực với 1068/1203 (tương đương khoảng 88,8%) dòng thuế dệt may của Việt Nam
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 4-6 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 135 dòng thuế còn lại, cụ thể:
 - Lộ trình 4 năm với 107/1203 dòng thuế, chủ yếu thuộc về mặt hàng may mặc
 - Lộ trình 6 năm với 28/1203 dòng thuế (thảm và các loại hàng dệt trải sàn)

So sánh CPTPP với thuế suất MFN của Canada

Trước CPTPP, Việt Nam và Canada chưa có FTA chung nào; sản phẩm dệt may Việt Nam thuộc diện áp dụng thuế MFN mà Canada áp dụng chung cho tất cả các thành viên WTO chưa có FTA với nước này. Mức thuế MFN trung bình của Canada áp dụng đối với nguyên phụ liệu dệt may là tương đối thấp trong khi mức thuế này đối với các sản phẩm may mặc dệt may thành phẩm (nhóm sản phẩm Việt Nam có thế mạnh) lại tương đối cao. Cụ thể, thuế MFN trung bình năm 2018 mà Canada áp dụng là:

- 0,76% đối với các sản phẩm dệt may Chương 50-60
- 15,79% đối với các sản phẩm dệt may Chương 61-63

Như vậy, CPTPP mang đến cho sản phẩm dệt may Việt Nam lợi thế đáng kể về thuế quan, đặc biệt với một số dòng hàng hóa đang có mức thuế MFN cao. Tuy nhiên, cần chú ý là để tận dụng thuế quan ưu đãi, sản phẩm dệt may Việt Nam phải đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP (trong khi thuế MFN không có điều kiện về quy tắc xuất xứ).

Cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia, Singapore

Trong CPTPP, Singapore cam kết xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với tất cả các sản phẩm dệt may của Việt Nam.

Trong CPTPP, Brunei có cam kết thuế quan với dệt may của Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu với 1027/1079 (tương đương khoảng 95,2%) dòng thuế dệt may của Việt Nam ngay khi CPTPP có hiệu lực
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 52 dòng thuế còn lại (Thảm và hàng dệt trải sàn khác...)

Trong CPTPP, Malaysia có cam kết thuế quan với các mặt hàng dệt may của Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu với 1019/1025 (tương đương 99,4%) dòng thuế dệt may của Việt Nam ngay khi CPTPP có hiệu lực
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 6 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 6 dòng thuế (chỉ khâu làm từ xơ staple tổng hợp hoặc tái tạo...)

Tuy nhiên, tính đến hiện tại (10/2019), ngoại trừ Singapore đã phê chuẩn CPTPP, Brunei và Malaysia đều chưa phê chuẩn Hiệp định và vì vậy các cam kết của hai nước này chưa có hiệu lực, chưa được áp dụng trên thực tế.

So sánh cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia và Singapore trong CPTPP và các FTA đã có với Việt Nam

Brunei, Malaysia, Singapore và Việt Nam đều là thành viên ASEAN. Vì vậy giữa Việt Nam với 03 nước này hiện đã có chung 06 FTA có cam kết về thuế quan đối với dệt may, gồm:

- FTA về thương mại hàng hóa trong ASEAN (ATIGA)
- FTA ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)
- FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)
- FTA ASEAN – Nhật Bản (AJCEP)
- FTA ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)
- FTA ASEAN – Australia và New Zealand (AANZFTA)

Trong 06 FTA này, ATIGA có mức cam kết loại bỏ thuế quan mạnh nhất, theo đó kể từ năm 2010, Brunei, Malaysia và Singapore đều đã xóa bỏ toàn bộ các dòng thuế dệt may (về 0%) cho Việt Nam.

Do đó, cơ bản CPTPP không mang lại lợi ích thuế quan đáng kể nào đối với dệt may xuất khẩu của Việt Nam ở các thị trường Brunei, Malaysia và Singapore mà chỉ tạo thêm một lựa chọn về thuế quan ưu đãi.

Cam kết thuế quan của Chi-lê

Trong CPTPP, Chi-lê có cam kết thuế quan với các mặt hàng dệt may của Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu với 828/952 (tương đương khoảng 87%) dòng thuế dệt may của Việt Nam ngay khi CPTPP có hiệu lực
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 4-8 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 124 dòng thuế còn lại, cụ thể:
 - Lộ trình 4 năm với 36/952 dòng thuế ví dụ như Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste được pha từ các sợi có màu khác nhau; Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04, từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn, bông hoặc sợi nhân tạo; Áo váy dài từ lông cừu, lông động vật loại mịn hoặc bông...
 - Lộ trình 8 năm với 88/952 dòng thuế (chủ yếu ở các Chương 61 và 62), ví dụ như Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn; Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng hơn 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên, trừ các loại thuộc nhóm 60.01; Vải dệt kim hoặc móc khác từ các xơ tổng hợp hoặc tái tạo; Váy và quần váy từ sợi tổng hợp; Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc; Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc; Quần tất, quần áo nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân và giày dép không đế, dệt kim hoặc móc; Áo jacket và áo khoác thể thao từ bông hoặc sợi tổng hợp...

Tuy nhiên tính đến hiện tại (10/2019), Chi-lê chưa phê chuẩn CPTPP nên các cam kết này hiện chưa có hiệu lực trên thực tế.

So sánh cam kết thuế quan của Chi-lê trong CPTPP và VCFTA

Hiện giữa Việt Nam và Chi-lê đã có một Hiệp định thương mại tự do song phương có hiệu lực từ 2014 (VCFTA).

Trong VCFTA, Chi-lê cam kết xóa bỏ thuế quan đối với phân nửa các dòng thuế dệt may ngay khi VCFTA có hiệu lực (năm 2014), các dòng thuế còn lại được cắt giảm và xóa bỏ theo lộ trình 5-10 năm.

Như vậy, CPTPP có thể đem lại lợi thế cho các doanh nghiệp dệt may của Việt Nam hơn so với VCFTA ở các dòng thuế được xóa bỏ sớm hơn (tuy nhiên, điều này còn tùy thuộc vào thời điểm CPTPP có hiệu lực với Chi-lê). Còn đối với các trường hợp khác, CPTPP chỉ tạo thêm cơ hội ưu đãi thuế quan, đặc biệt khi khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ trong CPTPP có thể linh hoạt hơn VCFTA (do CPTPP có nhiều nước Thành viên hơn).

Cam kết thuế quan của Mexico

Trong CPTPP, Mexico có cam kết thuế quan khá chặt đối với các mặt hàng dệt may của Việt Nam theo hướng chỉ xóa bỏ thuế quan ngay đối với khoảng trên ¼ tổng số dòng thuế, còn lại xóa bỏ theo lộ trình dài, hầu hết là 10, 16 năm. Cụ thể:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi CPTPP có hiệu lực đối với 345/1251 (tương đương 27,6%) dòng thuế, hầu hết là các sản phẩm dệt và nguyên liệu dệt may
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 5-16 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 906 (tương đương 72,4%) dòng thuế còn lại, cụ thể:
 - Lộ trình 5 năm với 16/1251 dòng thuế thuộc các Chương 54, 55 (Sợi filament có độ bền cao làm từ polyeste, đã hoặc chưa làm dún, đơn giản, phẳng, đã làm căng tối đa, độ xoắn tối đa 40 vòng mỗi mét; Sợi dún từ các polyeste...)

- Lộ trình 10 năm với 808/1251 dòng thuế (Bông, Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc, Mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác...)
- Lộ trình 16 năm với 82/1251 dòng thuế thuộc các Chương 61 đến 63 (Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường từ bông hoặc sợi nhân tạo; Chăn từ xơ tổng hợp (trừ chăn điện); Vải lanh bông vệ sinh và khăn nhà bếp, khăn tắm bông xù hoặc vải lông tương tự, từ bông; Quần áo và các sản phẩm dệt may đã qua sử dụng khác...)

So sánh CPTPP với thuế MFN của Mexico

Trước CPTPP, Việt Nam và Mexico chưa có FTA chung nào, do đó hàng dệt may Việt Nam nhập khẩu vào Mexico chịu thuế MFN mà Mexico áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên WTO.

Mức thuế MFN mà Mexico áp dụng đối với hàng dệt may nhập khẩu là khá cao (đặc biệt đối với nhóm sản phẩm may mặc). Cụ thể, thuế MFN trung bình năm 2018 mà Mexico áp dụng như sau:

- 8,08% đối với các sản phẩm dệt may Chương 50-60
- 21,57% đối với các sản phẩm dệt may Chương 61-63

Do đó, mặc dù cam kết thuế quan của Mexico trong CPTPP khá dè dặt, nhưng toàn bộ các sản phẩm dệt may đều sẽ được xóa bỏ thuế (ngay hoặc theo lộ trình), CPTPP vẫn được đánh giá là sẽ mang lại lợi ích thuế quan đáng kể cho dệt may Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này

Cam kết của Peru

Trong CPTPP, Peru cũng có các cam kết thuế quan khá dè dặt đối với các mặt hàng dệt may của Việt Nam, cụ thể như sau:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi CPTPP có hiệu lực với 128/964 (tương đương 13,3%) dòng thuế dệt may của Việt Nam
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 6-16 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 836 dòng thuế (tương đương 86,7%), cụ thể:
 - Lộ trình 6 năm với 108/964 dòng thuế
 - Lộ trình 11 năm với 173/964 dòng thuế
 - Lộ trình 16 năm với 555/964 dòng thuế

Hiện Peru chưa phê chuẩn CPTPP, vì vậy các cam kết này đều chưa có hiệu lực.

So sánh CPTPP với thuế MFN của Peru

Trước CPTPP, Peru và Việt Nam chưa có FTA chung nào, do đó hàng dệt may Việt Nam nhập khẩu vào Peru chịu thuế MFN mà Peru áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên WTO. Mức thuế MFN trung bình năm 2018 mà Peru đang áp dụng đối với các nước WTO là tương đối đáng kể (đặc biệt với nhóm sản phẩm may mặc):

- 5,6% đối với các sản phẩm dệt may Chương 50-60
- 10,88% đối với các sản phẩm dệt may Chương 61-63

Do đó khi CPTPP có hiệu lực với Peru, dệt may Việt Nam sẽ có lợi thế thuế quan đáng kể ở thị trường này so với hiện trạng thuế MFN (nhất là với nhóm sản phẩm Peru cam kết loại bỏ thuế ngay hoặc với lộ trình ngắn). Tuy nhiên, để hưởng thuế ưu đãi, sản phẩm dệt may Việt Nam sẽ phải tuân thủ quy tắc xuất xứ CPTPP (trong khi thuế MFN không yêu cầu điều này).

Cam kết thuế quan của Nhật Bản

Trong CPTPP, Nhật Bản có cam kết thuế quan với các mặt hàng dệt may của Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi CPTPP có hiệu lực với 1946/1975 (tương đương 98,5%) dòng thuế dệt may của Việt Nam
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 11 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 24/1975 dòng thuế thuộc các Chương 61, 62 (tơ tằm kén, các chi tiết của quần áo, tơ obi...)
- Giữ nguyên mức thuế MFN với 5/1975 dòng thuế có mã HS 500100.010, 500200.211, 500200.215, 500200.216, 500200.217 thuộc 02 Phân nhóm kén tơ tằm và tơ tằm thô (chưa xe)

So sánh cam kết thuế quan của Nhật Bản trong CPTPP, AJCEP và VJEPA

Trước CPTPP, Việt Nam và Nhật Bản đã có 02 FTA chung hiện đang có hiệu lực là FTA ASEAN – Nhật Bản (AJCEP) và Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA). Trong đó VJEPA là FTA song phương, lại được đàm phán và có hiệu lực sau, nên có các cam kết về ưu đãi thuế quan cho Việt Nam cơ bản cao hơn trong AJCEP.

VJEPA có hiệu lực từ năm 2009, trong đó gần như toàn bộ các sản phẩm dệt may được xóa bỏ thuế ngay sau khi có hiệu lực, chỉ có các sản phẩm thuộc Phân nhóm HS 5001.00 (kén tơ tằm) và sản phẩm khác thuộc Phân nhóm 5002.00 (tơ tằm thô chưa xe) là được loại trừ khỏi cam kết thuế – đây phần lớn cũng là các sản phẩm Nhật Bản giữ nguyên thuế MFN trong CPTPP.

Như vậy, mức cam kết của Nhật Bản đối với các sản phẩm dệt may của Việt Nam trong VJEPA cao hơn trong CPTPP (do VJEPA đã loại bỏ toàn bộ thuế quan ở các dòng có cam kết, trong khi CPTPP vẫn còn 24 dòng thuế chỉ cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 11 năm).



Việt Nam cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với hàng dệt may nhập khẩu từ các nước CPTPP như thế nào?

Trong CPTPP, Việt Nam cam kết thuế quan cho hàng dệt may các nước CPTPP theo 02 nhóm:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với 1067/1079 (tương đương 98,9%) dòng sản phẩm dệt may
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế quan theo lộ trình từ 4-16 năm đối với 12 sản phẩm còn lại, cụ thể:
 - Lộ trình 4 năm với 3/1079 dòng thuế (Phế liệu bông, kể cả phế liệu sợi và bông tái chế)
 - Lộ trình 6 năm với 4/1079 dòng thuế (Tơ tằm phế phẩm, Phế liệu lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc loại thô, kể cả phế liệu sợi nhưng trừ lông tái chế...)
 - Lộ trình 11 năm với 4/1079 dòng thuế (Vải vụn, mẫu dây xe, chảo bện (cordage), thùng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chảo bện (cordage), thùng hoặc cáp, từ vật liệu dệt)
 - Lộ trình 16 năm với 1 dòng thuế mã HS 6309.00.00 - Quần áo và các sản phẩm dệt may đã qua sử dụng khác.

Các cam kết về thuế quan của Việt Nam cho các đối tác trong CPTPP chỉ có hiệu lực đối với các đối tác đã phê chuẩn CPTPP, chưa có hiệu lực với các đối tác chưa phê chuẩn.

So sánh mức thuế cam kết trong CPTPP và các mức thuế Việt Nam hiện đang áp dụng

Trong số 10 đối tác CPTPP, Việt Nam đã có FTA đang có hiệu lực với 07 đối tác (gồm Nhật Bản, Australia, New Zealand, Chi-lê, Brunei, Malaysia, Singapore). Cam kết thuế quan của Việt Nam đối với dệt may trong các FTA (trừ ATIGA) đều chặt hơn CPTPP. Tuy nhiên, do các FTA này có hiệu lực trước CPTPP nên phần lớn các cam kết cắt giảm thuế đã hoàn thành lộ trình. Vì vậy, về cơ bản CPTPP dự kiến sẽ không làm thay đổi đáng kể thuế nhập khẩu đối với sản phẩm dệt may từ các nước CPTPP vào Việt Nam so với các FTA đang có. CPTPP chỉ tạo thêm một khả năng tiếp cận thị trường Việt Nam với mức thuế ưu đãi cho các sản phẩm dệt may từ các nước CPTPP.

Đối với Canada, Mexico và Peru (03 đối tác mà trước CPTPP chưa có FTA với Việt Nam), mức thuế MFN năm 2018 mà Việt Nam đang áp dụng đối với các sản phẩm dệt may nhập khẩu từ các nước này cũng khá cao:

- 8,99% đối với các sản phẩm dệt may Chương 50-60
- 18,65% đối với các sản phẩm dệt may Chương 61-63

Như vậy, đối với các sản phẩm đồ uống nhập khẩu từ các thị trường chưa từng có FTA với Việt Nam trước CPTPP, thuế nhập khẩu sẽ giảm đáng kể so với thuế MFN trước đây, đặc biệt đối với các dòng thuế có lộ trình ngắn.



Lộ trình cắt giảm thuế quan thực tế của các nước Thành viên đã phê chuẩn CPTPP?

Để xác định mức thuế tối đa và lộ trình cắt giảm thuế bắt buộc của từng nước thành viên CPTPP cần căn cứ vào thời điểm có hiệu lực chung của CPTPP (thời điểm đủ 6 nước thành viên ban đầu phê chuẩn CPTPP), thời điểm có hiệu lực của CPTPP với từng nước phê chuẩn sau, và thỏa thuận giữa nước phê chuẩn ban đầu với nước phê chuẩn sau.

Cụ thể, tính đến ngày 30/10/2019 đã có 07 nước phê chuẩn CPTPP, trong đó:

- 06 nước phê chuẩn ban đầu là Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, Mexico, Singapore: CPTPP chính thức có hiệu lực đối với các nước này từ ngày 30/12/2018
- Việt Nam là nước thứ 7 phê chuẩn CPTPP: Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019

Cam kết CPTPP sẽ chưa áp dụng đối với các nước Thành viên chưa phê chuẩn CPTPP (và CPTPP chưa có hiệu lực với các nước này).

Đối với các nước mà CPTPP đã có hiệu lực, thỏa thuận về lộ trình cắt giảm thuế quan cụ thể giữa các nước này thực ra chỉ có ý nghĩa đối với các sản phẩm mà nước nhập khẩu cam kết loại bỏ thuế quan theo lộ trình (ví dụ cam kết năm 1 thuế tối đa là x%, năm 2 thuế tối đa là y%, năm 3 thuế tối đa là z%....). Đối với các sản phẩm mà nước nhập khẩu cam kết loại bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực thì thuế sẽ là 0% kể từ thời điểm CPTPP có hiệu lực.

Bảng

Tóm tắt Thỏa thuận về lộ trình cắt giảm thuế quan của 07 nước đã phê chuẩn CPTPP

Ngày	Lộ trình cắt giảm thuế quan
<i>Lộ trình của các nước phê chuẩn ban đầu cho Việt Nam</i>	
14/1/2019	Australia, Canada, New Zealand, và Singapore: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 (cắt giảm liên 2 năm) cho Việt Nam Nhật Bản, Mexico: Cắt giảm theo lộ trình năm 1 cho Việt Nam
1/4/2019	Nhật Bản: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Việt Nam
1/1/2020	Australia, Canada, New Zealand, và Singapore: Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Việt Nam Mexico: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Việt Nam
1/4/2020	Nhật Bản: Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Việt Nam
Các năm tiếp theo	Tương tự trên
<i>Lộ trình của Việt Nam cho các nước đã phê chuẩn ban đầu</i>	
14/1/2019	Cắt giảm theo lộ trình năm 2 (cắt giảm liên 2 năm) cho Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, và Singapore Cắt giảm theo lộ trình năm 1 cho Mexico
1/1/2020	Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, và Singapore Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Mexico
Các năm tiếp theo	Tương tự trên



Mục 2

Các cam kết khác
trong CPTPP có
tác động đáng kể
tới ngành dệt may

Bên cạnh các cam kết áp dụng chung cho tất cả các loại hàng hóa, trong đó có dệt may, CPTPP còn có một Chương riêng về dệt may (Chương 4), bao gồm các cam kết chỉ áp dụng cho sản phẩm dệt may về các khía cạnh sau:

- Bộ quy tắc xuất xứ riêng đối với các sản phẩm dệt may
- Các quy định về biện pháp tự vệ đối với dệt may
- Các vấn đề về hợp tác hải quan, chương trình giám sát, xác minh xuất xứ

Cũng liên quan tới các sản phẩm dệt may, Việt Nam và Mexico còn có cam kết riêng nêu tại:

- Thụ song phương về Chương trình giám sát hàng dệt may của Việt Nam xuất khẩu sang Mexico và của Mexico xuất khẩu sang Việt Nam (nhằm tăng cường quản lý hải quan, chống gian lận xuất xứ)
- Thụ song phương về hạn ngạch dệt may mà Mexico sẽ áp dụng đối với một số sản phẩm dệt may của Việt Nam sử dụng nguyên liệu từ Danh mục nguồn cung thiếu hụt

Ngoài ra, nhiều cam kết trong các Chương khác của CPTPP cũng có tác động trực tiếp và đáng kể tới thương mại sản phẩm dệt may (ví dụ Chương về lao động, môi trường, hàng rào kỹ thuật trong thương mại...).



Cam kết CPTPP về quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm dệt may?

Về quy tắc xuất xứ

Quy tắc xuất xứ chủ đạo đối với hàng dệt may trong CPTPP là “yarn-forward” (“từ sợi trở đi”), hay còn gọi là quy tắc “ba công đoạn”. Quy tắc này được hiểu một cách chung nhất là tất cả các công đoạn sản xuất hàng dệt may từ sợi trở đi, bao gồm (i) kéo sợi, dệt và nhuộm vải; (ii) cắt và (iii) may quần áo phải được thực hiện trong nội khối CPTPP.

Đây là quy tắc xuất xứ chặt chẽ nhất về dệt may mà Việt Nam từng cam kết trong một FTA (các FTA trước đây của Việt Nam, quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may chủ yếu là quy tắc đơn giản “cắt và may” trừ FTA ASEAN-Nhật Bản và Việt Nam-Nhật Bản là áp dụng quy tắc “từ vải trở đi”).

CPTPP chỉ chấp nhận 03 mặt hàng được áp dụng quy tắc xuất xứ “cắt và may”, gồm:

- Vali, túi xách;
- Áo ngực phụ nữ; và
- Quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp.

Bên cạnh đó, Chương Dệt may của CPTPP quy định một số ngoại lệ và linh hoạt đối với quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” thuộc 02 nhóm sau:

(i) Tỷ lệ tối thiểu (De minimis)

Theo quy định của CPTPP thì các trường hợp sau đây vẫn được coi là có xuất xứ CPTPP:

- Các sản phẩm dệt may ngoài các Chương từ 61 đến 63 không đáp ứng được các quy tắc xuất xứ về chuyển đổi mã HS quy định trong Phụ lục A-Chương 4 của Hiệp định, nhưng trọng lượng các nguyên liệu không đáp ứng được quy tắc chuyển đổi mã HS đó không vượt quá 10% tổng trọng lượng của sản phẩm
- Các sản phẩm dệt may từ các Chương 61 đến 63 không đáp ứng được các quy tắc xuất xứ về chuyển đổi mã HS quy định trong Phụ lục A-Chương 4 của Hiệp định, nhưng trọng lượng của các nguyên liệu sợi không đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã HS được dùng trong sản xuất ra thành phần quyết định mã HS của sản phẩm dệt may đó có trọng lượng không vượt quá 10% tổng trọng lượng của thành phần đó

Chú ý: Trong cả hai trường hợp trên, nếu các sản phẩm dệt may chứa nguyên liệu là sợi đàn hồi (elastomeric yarn) mà nguyên liệu này quyết định phân loại của sản phẩm thì sản phẩm đó sẽ chỉ được coi là có xuất xứ nếu sợi đàn hồi đó được sản xuất toàn bộ trong khu vực CPTPP.

(ii) Danh mục nguồn cung thiếu hụt

Danh mục này được quy định trong Phụ lục 1 của **Phụ lục 4-A** của Chương 4 Hiệp định CPTPP. Đây là danh mục gồm 187 loại sợi và vải được phép nhập khẩu từ các nước bên ngoài CPTPP để sản xuất hàng dệt may mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP.

Danh mục này gồm 2 loại:

- Danh mục nguồn cung thiếu hụt tạm thời: Danh mục này bao gồm 08 loại nguyên liệu được phép nhập khẩu từ các nước ngoài CPTPP mà vẫn được coi là đáp ứng quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan, nhưng chỉ được trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

- Danh mục nguồn cung thiếu hụt vĩnh viễn: bao gồm 179 loại nguyên liệu được phép nhập khẩu từ các nước ngoài CPTPP mà vẫn được coi là đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP để hưởng ưu đãi thuế quan trong CPTPP, không hạn chế về thời gian.

Tuy nhiên, các nguyên liệu trong danh mục nguồn cung thiếu hụt có mô tả khá phức tạp, không chỉ đơn thuần bao gồm mã HS của nguyên liệu mà cả các chi tiết kỹ thuật đi kèm và các nguyên liệu này chỉ được sử dụng cho các sản phẩm đầu ra cụ thể theo quy định trong danh mục (như Ví dụ bên dưới). Do đó, doanh nghiệp cần phải sử dụng đúng loại nguyên liệu như mô tả trong danh mục thì sản phẩm thành phẩm mới được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP.

Chú ý: “Từ sợi trở đi” là thuật ngữ ngắn gọn, dễ hiểu nhất để nói về quy tắc xuất xứ áp dụng cho hàng dệt may trong CPTPP. Tuy nhiên, trên thực tế, trong cam kết CPTPP không có quy tắc nào có tên là “từ sợi trở đi” cả, mà là các quy tắc xuất xứ mang ý nghĩa “từ sợi trở đi” cụ thể hóa đối với từng nhóm sản phẩm dệt may (nhóm theo mã HS 4 số). Do đó, với mỗi nhóm sản phẩm dệt may, doanh nghiệp cần tra cứu cụ thể quy tắc xuất xứ riêng cho nhóm sản phẩm quan tâm, chứ không áp dụng vắn tắt “từ sợi trở đi” được. Quy tắc xuất xứ với các nhóm sản phẩm dệt may được quy định trong Phụ lục 4A- Textiles and Apparel Product – Specific Rules of Origin của Chương 4 CPTPP (Dệt may).

Về thủ tục chứng nhận xuất xứ

Thủ tục chứng nhận xuất xứ trong CPTPP được nêu tại Chương 3, gồm các cam kết áp dụng chung cho tất cả các sản phẩm (không có thủ tục riêng biệt nào với dệt may).

Cam kết chung của CPTPP về thủ tục chứng nhận xuất xứ là **tự chứng nhận xuất xứ** (nhà sản xuất, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu tự phát hành giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa nhập khẩu liên quan). Tuy nhiên CPTPP chấp nhận một số ngoại lệ và bảo lưu đối với thủ tục tự chứng nhận xuất xứ này.

Cụ thể, đối với hàng hóa CPTPP nhập khẩu vào Việt Nam, thủ tục chứng nhận xuất xứ sẽ như sau:

● *Trong 05 năm đầu kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam:*

Các chủ thể kinh doanh có thể lựa chọn chứng nhận xuất xứ theo một trong hai cơ chế:

- Cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp giấy chứng nhận xuất xứ); hoặc
- Cơ chế *nhà xuất khẩu* tự chứng nhận xuất xứ

Chú ý: Sau khi hết thời hạn 05 năm, Việt Nam vẫn có thể duy trì mô hình song song 02 cơ chế chứng nhận xuất xứ này thêm tối đa 05 năm nữa (trước khi hết hạn 05 năm đầu ít nhất 60 ngày, Việt Nam thông báo với các đối tác CPTPP về việc gia hạn).

● *Từ năm thứ 05 kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam trở đi:*

Trừ khi có gia hạn như ở trên, kể từ thời điểm 05 năm sau khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam, Việt Nam sẽ chỉ áp dụng thủ tục tự chứng nhận xuất xứ. Cụ thể, các chủ thể kinh doanh có thể lựa chọn tự chứng nhận xuất xứ theo một trong 03 cơ chế sau:

- Nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ
- Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ
- Nhà sản xuất tự chứng nhận xuất xứ



Cam kết CPTPP về biện pháp tự vệ đặc biệt với dệt may?

Ngoài các cam kết về biện pháp tự vệ áp dụng chung cho tất cả các sản phẩm hàng hóa nêu tại Chương 6 của CPTPP, Chương 4 của Hiệp định này có các cam kết riêng về biện pháp tự vệ chỉ áp dụng đối với hàng dệt may.

Điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt

Nước Thành viên CPTPP nhập khẩu có thể áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt đối với một sản phẩm dệt may từ nước Thành viên CPTPP xuất khẩu nếu sản phẩm dệt may được nhập khẩu đó:

- Được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định; và
- Được nhập khẩu với một khối lượng gia tăng đột biến; và
- Gây ra thiệt hại nghiêm trọng, hoặc là đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa của nước đó

Cách thức áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt

- Về thủ tục:
 - Trước khi áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt, nếu được yêu cầu bởi nước Thành viên xuất khẩu, nước Thành viên nhập khẩu phải tiến hành tham vấn với nước xuất khẩu về biện pháp tự vệ này trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn của nước nhập khẩu.
 - Nếu nước nhập khẩu vẫn quyết định áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt, nước nhập khẩu phải đền bù thiệt hại về kinh tế do biện pháp tự vệ này gây ra cho nước xuất khẩu, nếu không nước xuất khẩu có thể tiến hành biện pháp trả đũa về thuế tương đương.

- *Về mức thuế:* Nước Thành viên nhập khẩu có thể không tiếp tục áp dụng ưu đãi thuế quan cho sản phẩm dệt may đó nữa và nâng mức thuế lên ngang bằng với mức thuế Tối huệ quốc (thuế MFN) theo WTO mà nước này đang áp dụng tại thời điểm đó.
- *Về thời gian áp dụng:* Biện pháp tự vệ đặc biệt chỉ được áp dụng trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để ngăn ngừa hoặc bù đắp các thiệt hại do hàng nhập khẩu đó gây ra đối với ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu.



CPTPP có cam kết gì về lao động?

CPTPP có một Chương riêng về lao động với các cam kết liên quan tới các quyền cơ bản của người lao động, điều kiện lao động, xu hướng về tiêu chuẩn lao động.

Trong khi đó, dệt may lại là ngành có một số đặc thù về lao động và điều kiện lao động, đặc biệt là:

- Sử dụng nhiều lao động nữ, với các đặc thù về thể chất, sức khỏe, điều kiện làm việc
- Môi trường lao động có nhiều yếu tố nguy hại tới sức khỏe (tiếng ồn lớn, thường xuyên; nhiều bụi; khí nóng; có trường hợp sử dụng hóa chất...)
- Điều kiện làm việc tương đối đặc thù (tư thế lao động gò bó, dễ mắc các bệnh nghề nghiệp liên quan tới vận động cổ tay/ngón tay...)

Vì vậy, suy đoán là các cam kết của CPTPP về lao động sẽ có tác động nhất định tới ngành dệt may, chủ yếu là theo hướng gián tiếp (do CPTPP không có cam kết về bất kỳ tiêu chuẩn lao động cụ thể nào).

Sau đây là một số tóm tắt các cam kết về lao động của CPTPP có thể ảnh hưởng tới ngành dệt may:

(i) Nhóm cam kết về nguyên tắc, điều kiện lao động

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo đảm thông qua, duy trì và thực thi các quy định pháp luật về các nguyên tắc liên quan tới lao động thuộc 02 nhóm sau:

Nhóm các nguyên tắc lao động cơ bản trong Tuyên bố của ILO năm 1998, bao gồm:

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động
- Xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc
- Cấm sử dụng lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất
- Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp

Liên quan tới 04 nhóm nguyên tắc cơ bản này, ngoại trừ vấn đề quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động, các nguyên tắc khác cơ bản đã được thể hiện ở các mức độ khác nhau trong pháp luật lao động Việt Nam hiện hành. Do đó, sẽ không tạo ra tác động hay thay đổi quá lớn nào với các doanh nghiệp ngành dệt may.

Về vấn đề quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động, đây là cam kết mới, chưa từng có trong pháp luật và thực tiễn Việt Nam, và hiện đang được bổ sung vào Bộ luật Lao động sửa đổi 2019. Vì vậy, việc thực thi cam kết này sẽ tạo ra thay đổi đáng kể trong thông lệ ứng xử giữa doanh nghiệp với người lao động trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trong ngành dệt may nơi sử dụng số lượng lớn người lao động (và do đó khả năng có nhiều hơn một tổ chức đại diện người lao động trong cơ sở là lớn hơn), ví dụ:

- Thay đổi trong cơ chế, cách thức thông tin, trao đổi, thương lượng, giải quyết vướng mắc giữa người sử dụng lao động và các tổ chức đại diện người lao động khác nhau tại cùng một cơ sở sản xuất, kinh doanh
- Thay đổi trong phân bổ chi phí mà doanh nghiệp phải chịu liên quan tới hoạt động đại diện người lao động/công đoàn

Nhóm các nguyên tắc về “điều kiện lao động chấp nhận được”

Nhóm này bao gồm các cam kết về việc bảo đảm “các điều kiện lao động chấp nhận được” về lương tối thiểu, giờ làm việc, các vấn đề về an toàn lao động và sức khỏe của người lao động.

CPTPP không có định nghĩa hay tiêu chuẩn cụ thể nào về “các điều kiện lao động chấp nhận được”. Vì vậy cơ bản các cam kết này sẽ không tạo ra tác động thay đổi quá lớn trong pháp luật Việt Nam liên quan tới các điều kiện lao động.

Ngoài ra, dặt may là ngành sản xuất xuất khẩu truyền thống, các doanh nghiệp xuất khẩu đã có khá nhiều kinh nghiệm trong đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu cao về lao động và môi trường lao động của khách hàng nước ngoài. Do đó, ít nhất là đối với nhóm doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, dự kiến sẽ không gặp khó khăn gì lớn trong đáp ứng các yêu cầu pháp luật mới, nếu có, liên quan tới thực hiện các cam kết này của CPTPP.

(ii) Nhóm cam kết về các định hướng chính sách liên quan tới lao động

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên bảo đảm các định hướng sau trong xây dựng, thực thi pháp luật, chính sách về lao động:

- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách làm suy yếu hoặc hạ thấp những biện pháp bảo vệ trong pháp luật lao động
- Không từ chối thực thi pháp luật lao động theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư giữa các nước Thành viên

Bảo lưu của Việt Nam về các cam kết Chương lao động trong CPTPP

Việt Nam đã đạt được thỏa thuận với các nước CPTPP (tại các Thư song phương) về các nội dung sau:

- Việt Nam phải thực hiện ngay các nghĩa vụ trong Chương lao động ngay khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam
- Trong vòng 03 năm kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam, các nước cam kết không áp dụng trừng phạt thương mại đối với Việt Nam nếu họ có khiếu kiện Việt Nam theo Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong CPTPP về việc vi phạm nghĩa vụ Chương lao động
- Liên quan tới các nghĩa vụ về tự do liên kết và công nhận một cách thực chất quyền thương lượng tập thể, trường hợp có khiếu kiện Việt Nam, các nước cam kết:
 - Trong vòng 05 năm kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam: Không sử dụng tới các biện pháp ngừng nhượng bộ trong CPTPP
 - Trong vòng từ năm thứ 5 đến năm thứ 7 kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam: Sẽ xem xét việc có áp dụng biện pháp trừng phạt thương mại không trong khuôn khổ Hội đồng lao động của CPTPP



CPTPP có cam kết gì đáng chú ý về môi trường?

CPTPP có một Chương riêng về môi trường (Chương 20) với nhiều cam kết cả về nguyên tắc và về một số khía cạnh môi trường cụ thể. Liên quan tới dệt may thì chỉ có nhóm các cam kết về nguyên tắc chung là đáng chú ý, trong đó có các cam kết về xu hướng chính sách liên quan tới vấn đề môi trường. Cụ thể:

CPTPP ghi nhận quyền tự chủ của các nước Thành viên trong việc áp dụng và thực thi các chính sách, pháp luật, ưu tiên về môi trường, tuy nhiên yêu cầu các nước phải bảo đảm các định hướng sau:

- Nỗ lực bảo đảm có hệ thống pháp luật và chính sách môi trường bảo vệ môi trường ở mức cao, tiếp tục tăng mức bảo vệ môi trường
- Không từ chối thực thi pháp luật môi trường theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư giữa các nước Thành viên
- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách hạ mức độ bảo vệ môi trường hoặc giảm nhẹ hiệu lực của các quy định về môi trường



Cam kết CPTPP về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)?

Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó. Sản phẩm dệt may phải tuân thủ một số các biện pháp TBT liên quan (ví dụ quy chuẩn đối với hóa chất sử dụng trong sản xuất xơ sợi, vải, họa tiết trang trí...; các yêu cầu về quy trình sản xuất các tiêu chuẩn kỹ thuật khác về an toàn đối với người sử dụng; thông tin ghi nhãn...).

Chương TBT bao gồm 02 nhóm cam kết TBT đáng chú ý:

Nhóm cam kết gắn với các nghĩa vụ trong WTO

- Các cam kết nhấn mạnh việc tuân thủ các nguyên tắc WTO về TBT (các nước có quyền ban hành TBT nhưng phải dựa trên các căn cứ khoa học xác đáng, khi soạn thảo phải lấy ý kiến bình luận, khi áp dụng phải công bằng không phân biệt đối xử ...)
- Cam kết bổ sung thêm một số chi tiết liên quan tới các yêu cầu về minh bạch trong WTO.

Nhóm cam kết riêng của CPTPP

CPTPP có bổ sung một số cam kết mới về TBT, trong đó có cam kết về nghĩa vụ của các nước Thành viên về quản lý tổ chức đánh giá sự phù hợp, gồm:

- Không được đối xử phân biệt giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt trụ sở tại các nước CPTPP với các tổ chức đặt trụ sở tại lãnh thổ nước mình
- Không được yêu cầu các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đặt trụ sở hay đặt văn phòng đại diện trên lãnh thổ nước mình
- Không được yêu cầu hợp pháp hóa các giấy tờ về đánh giá sự phù hợp

CPTPP còn có một số cam kết TBT riêng đối với một vài nhóm hàng hóa cụ thể. Tuy nhiên, trong đó không có dệt may.



Phần thứ hai

Cơ hội, thách thức và
khuyến nghị với
ngành dệt may trong
bối cảnh hội nhập CPTPP



Hiện trạng ngành dệt may Việt Nam?

Dệt may là ngành sản xuất và xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam. Trong suốt nhiều năm, sản phẩm dệt may luôn đứng trong top đầu các mặt hàng có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho hàng triệu người lao động.

Về đầu tư kinh doanh

Dệt may là ngành có số lượng doanh nghiệp lớn, tăng liên tục trong những năm qua. Theo Bộ Công Thương và Hiệp hội Dệt may Việt Nam, số lượng doanh nghiệp ngành này đã tăng gấp 3 lần trong vòng 10 năm (từ hơn 2.000 doanh nghiệp năm 2006 lên hơn 6.000 doanh nghiệp năm 2016), trong đó:

- Khoảng 85% là doanh nghiệp may
- Khoảng 13% là doanh nghiệp sản xuất vải, nhuộm
- Khoảng 2% là doanh nghiệp sản xuất chế biến xơ, sợi

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ chiếm khoảng 25% tổng số doanh nghiệp trong ngành dệt may nhưng đóng góp khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu (số liệu năm 2016).

Về đặc điểm sản xuất

Ngành dệt may Việt Nam bao gồm 03 phân ngành nhỏ hơn là ngành xơ sợi, dệt nhuộm và cắt may. Cắt may là phân ngành chiếm tỷ trọng chủ yếu.

- *Ngành xơ sợi*

Ngành xơ sợi có sự tăng trưởng tốt trong khoảng một thập kỷ trở lại đây. Tổng lượng sợi năm 2017 đạt khoảng 2 triệu tấn, trong đó xuất khẩu 1,3 triệu tấn. Kim ngạch xuất khẩu sợi từ 1,1 tỷ USD năm 2010 tăng lên 3,1 tỷ USD năm 2017.

Mặc dù vậy, ngành xơ sợi vẫn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong ngành dệt may nói chung, với một số đặc điểm sau:

- Nguồn nguyên liệu đầu vào (bông và xơ) hầu hết là nhập khẩu (nhập khẩu 99% bông và gần như 100% xơ)
- Sản phẩm chủ yếu là sợi polyester filament (chiếm khoảng 45%) và sợi cotton (chiếm khoảng 25%) – 70% các sản phẩm sợi là xuất khẩu (do ngành dệt nhuộm trong nước không phát triển)

- *Ngành dệt nhuộm*

Dệt nhuộm (sản xuất vải) được xem là nút thắt trong chuỗi cung ứng dệt may của Việt Nam. Các doanh nghiệp dệt nhuộm phần lớn là dệt nhuộm phục vụ sản xuất nội bộ. Ngành dệt nhuộm chưa hấp dẫn đầu tư do chi phí đầu tư cao (cho máy móc, công nghệ và xử lý ô nhiễm nguồn nước trong quá trình sản xuất). Cơ hội thuế quan từ các FTA và yêu cầu về quy tắc xuất xứ tương ứng có thể là cú hích để thúc đẩy đầu tư vào ngành dệt nhuộm thời gian tới.

- *Ngành cắt may*

Ngành cắt may (sản xuất hàng may mặc) là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất cả về số lượng doanh nghiệp và kim ngạch xuất khẩu.

Về nguồn nguyên phụ liệu, phần lớn nguồn cung vải và nguyên phụ liệu ngành cắt may là nhập khẩu từ nước ngoài (phần lớn là Trung Quốc):

- Kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may chiếm tới 35-40% tổng giá trị xuất nhập khẩu ngành dệt may
- Vải nguyên liệu chiếm 60% giá trị nhập khẩu nguyên phụ liệu

Về phương thức sản xuất, phần lớn (khoảng 65% thị phần) hoạt động cắt may ở Việt Nam là gia công theo đơn đặt hàng của khách hàng nước ngoài (CMT), với nguyên phụ liệu, thiết kế do người đặt hàng cung cấp; hàng hóa sản xuất xong sẽ được xuất khẩu theo chỉ định của khách hàng. Với tính chất như trên, giá trị gia tăng thực thu được từ hoạt động cắt may là rất hạn chế.

Ngành cắt may Việt Nam hiện mới cung ứng khoảng 30-35% nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc trong nước. Một phần lớn thị trường hàng may mặc nội địa đang bị chiếm lĩnh bởi hàng may mặc nước ngoài nhập khẩu (trong đó chủ yếu là hàng Trung Quốc, chiếm khoảng 50% thị trường hàng may mặc Việt Nam).

Cơ cấu sản phẩm

Sản phẩm chủ lực của ngành dệt may Việt Nam là quần áo may mặc (chiếm 82 % tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam).

Sản phẩm may mặc Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu, với các nhóm sản phẩm chủ đạo là:

- Áo jacket, áo thun, quần dài sơ mi, trẻ em, áo sơ mi chiếm khoảng 70%
- Váy, đồ vest, sản phẩm cao cấp khác chỉ chiếm khoảng 10%

Thị phần của hàng may mặc Việt Nam trên thị trường nội địa đã được cải thiện trong một thập kỷ trở lại đây (từ 23% năm 2010 đến 33% năm 2017). Mặc dù vậy, thị trường nội địa hiện vẫn đang phần lớn được cung ứng bởi hàng dệt may nhập khẩu (chủ yếu từ Trung Quốc).

Về lao động

Dệt may là ngành thâm dụng lao động, với khoảng 2,5-2,8 triệu lao động, trong đó đa số là lao động nữ. Ngành này đang góp phần đáng kể vào việc giải quyết việc làm và thu hút lao động từ nông thôn.

Nguồn lao động dồi dào, có kỹ thuật tương đối tốt và giá nhân công rẻ vốn là thế mạnh của dệt may Việt Nam, và là yếu tố quan trọng thu hút các đơn hàng gia công từ nước ngoài. Tuy nhiên, trong một vài năm trở lại đây, đang xuất hiện tình trạng thiếu hụt, cạnh tranh lao động giữa các doanh nghiệp. Hơn nữa, giá nhân công Việt Nam cũng bắt đầu kém sức cạnh tranh so với nhiều nước khác (ví dụ Campuchia, Bangladesh...).

Lao động ngành dệt may Việt Nam chủ yếu là lao động giản đơn. Nguồn nhân lực cho chuyên ngành thiết kế mẫu sản phẩm, thiết kế dây chuyền sản xuất còn rất hạn chế.

Về công nghệ sản xuất

Việt Nam hiện sử dụng chủ yếu các máy móc thiết bị và công nghệ ngành dệt may có nguồn gốc từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc. Trình độ công nghệ và mức độ tự động hóa khác nhau giữa các phân ngành dệt may, chủ yếu ở các khâu đơn giản:

- Ngành dệt nhuộm: Đa phần sử dụng thiết bị, công nghệ cũ, mức độ tự động hóa thấp
- Ngành sơ xori và cắt may: Công nghệ có nhiều cải tiến, đã tự động hóa tại các khâu sản xuất đơn giản (cắt, lựa chọn chỉ đơn/chỉ chập, thùa, khuyết...)

Với trình độ công nghệ này, thời gian sản xuất trung bình của hàng may mặc Việt Nam là 60 - 90 ngày, ngắn hơn so với Bangladesh và Campuchia (80 - 120 ngày) nhưng dài hơn so với Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan (40 - 90 ngày).



Tình hình xuất khẩu dệt may Việt Nam?

Dệt may luôn nằm trong топ các sản phẩm xuất khẩu có kim ngạch lớn và mức tăng trưởng ấn tượng, bình quân tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 1998-2016 là 17,7%/năm (cao gần gấp 3 lần tăng trưởng GDP 6,05%/năm cùng giai đoạn), trong đó:

- Kim ngạch xuất khẩu sợi tăng từ 1,1 tỷ năm 2010 tăng lên 3,1 tỷ USD năm 2017 (tăng gấp 3 lần)
- Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm vải từ 0,75 tỷ USD năm 2010 tăng lên 1,5 tỷ USD năm 2017 (tăng gấp 2 lần)

Từ góc độ sản phẩm, các sản phẩm may mặc chiếm tỷ trọng chủ yếu (trung bình 82% kim ngạch xuất khẩu mỗi năm trong giai đoạn 2010-2017).

Bảng

Xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may năm 2018

Sản phẩm	Kim ngạch (triệu USD)	Tăng trưởng so với 2017 (%)	Tỷ trọng (%)
Hàng may mặc	30.489	16,7	84,2
Xơ, sợi dệt các loại	4.025	12	11,1
Nguyên phụ liệu dệt, may	1.200	14,2	3,2
Vải màn hình, vải kỹ thuật khác	530	15,7	1,5
Tổng	36.201	16,1	100

Nguồn: Bộ Công Thương

Thị trường xuất khẩu chính của sản phẩm dệt may Việt Nam là Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc. Trong đó, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm tới 44,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (số liệu năm 2018).

Bảng**Các thị trường xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam năm 2018**

Thị trường	Kim ngạch (triệu USD)	Tăng trưởng so với 2017
Mỹ	13.699,583	11,6%
Nhật Bản	3.812,087	22,6%
Hàn Quốc	3.299,559	24,9%
Trung Quốc	1.540,705	39,6%
Đức	797,386	8,2%
Tổng cộng	30.488,693	16,7%

Nguồn: Bộ Công Thương



Tình hình xuất nhập khẩu dệt may giữa Việt Nam và các nước CPTPP?

Xuất khẩu

Các nước CPTPP là thị trường xuất khẩu tương đối lớn của dệt may Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt khoảng 5,88 tỷ USD, chiếm khoảng 16,04% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam ra thế giới.

Trong nhóm CPTPP, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất của Việt Nam, tiếp đến là Canada, Australia và Malaysia.

Bảng **Xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các nước CPTPP năm 2018**

STT	Tên nước	Giá trị xuất khẩu (nghìn USD)	Thị phần xuất khẩu (%)	Các sản phẩm xuất khẩu chính
1	Nhật Bản	4.219.919	11,51	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; Thảm và hàng dệt trải sàn; Miền xơ, các loại sợi đặc biệt
2	Canada	716.944	1,95	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; Các loại vải dệt dùng trong công nghiệp
3	Australia	270.822	0,74	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; Miền xơ, các loại sợi đặc biệt
4	Malaysia	196.281	0,54	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; Bông; Sợi filament nhân tạo
5	Chi-lê	154.807	0,42	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Bông; Miền xơ, các loại sợi đặc biệt; Các loại vải dệt dùng trong công nghiệp
6	Singapore	140.314	0,38	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; Các loại vải dệt dùng trong công nghiệp; Các loại hàng dệt kim hoặc móc
7	Mexico	134.670	0,37	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Sợi filament nhân tạo; Xơ sợi staple nhân tạo; Các loại vải dệt dùng trong công nghiệp
8	New Zealand	27.156	0,07	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; Miền xơ, các loại sợi đặc biệt; Các loại hàng dệt kim hoặc móc
9	Peru	21.448	0,058	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ; Sợi filament nhân tạo; Xơ sợi staple nhân tạo; Miền xơ, các loại sợi đặc biệt
10	Brunei	148	0,0004	Các loại vải dệt dùng trong công nghiệp; Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc
Tổng CPTPP		5.882.509	16,04	

Nguồn: Trademap, truy cập tháng 10/2019

Nhập khẩu

Năm 2018, Việt Nam nhập khẩu khoảng 1,63 tỷ USD sản phẩm ngành dệt may từ các nước CPTPP, chỉ chiếm khoảng 7,98 % tổng giá trị nhập khẩu nhóm sản phẩm này của Việt Nam. Phần lớn các sản phẩm nhập khẩu là nguyên phụ liệu cho ngành xơ sợi, một số ít là vải và quần áo.

Trong các thị trường CPTPP, Nhật Bản là thị trường Việt Nam nhập khẩu nhiều nguyên phụ liệu dệt may nhất, tiếp đến lần lượt là Australia và Malaysia.

Bảng Nhập khẩu dệt may của Việt Nam từ các nước CPTPP năm 2018

STT	Tên nước	Giá trị nhập khẩu (nghìn USD)	Thị phần nhập khẩu (%)	Các sản phẩm nhập khẩu chính
1	Nhật Bản	1.044.222	5,11	Sợi filament nhân tạo; Xơ sợi staple nhân tạo; Các loại vải dệt dùng trong công nghiệp; Các loại hàng dệt kim hoặc móc; Bông
2	Australia	362.119	1,77	Bông
3	Malaysia	167.495	0,82	Các loại hàng dệt kim hoặc móc; Bông; Xơ sợi staple nhân tạo; Sợi filament nhân tạo; Mền xơ, các loại sợi đặc biệt
4	Mexico	35.231	0,17	Bông; Xơ sợi staple nhân tạo
5	Singapore	16.303	0,08	Sợi filament nhân tạo; Các loại vải dệt dùng trong công nghiệp; Các loại hàng dệt kim hoặc móc
6	New Zealand	2.055	0,01	Lông cừu, lông động vật; Xơ sợi staple nhân tạo
7	Canada	1.741	0,0085	Xơ sợi staple nhân tạo; Sợi filament nhân tạo; Các loại hàng dệt kim hoặc móc
8	Peru	784	0,0038	Lông cừu, lông động vật; Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc
9	Chile	326	0,0016	Xơ sợi staple nhân tạo
10	Brunei	3	0,000015	Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác ngoài quần áo và hàng may mặc phụ trợ
Tổng CPTPP		1.630.279	7,98	

Nguồn: Trademap ITC, truy cập tháng 10/2019



Triển vọng ngành dệt may Việt Nam?

Ngành dệt may Việt Nam được đánh giá là có nhiều tiềm năng tăng trưởng tốt trong thời gian tới, đặc biệt là xuất khẩu, dưới tác động của các nhân tố tích cực sau:

- Cơ hội thuế quan ưu đãi từ các FTA mà Việt Nam đang/sẽ có hiệu lực trong thời gian tới (đặc biệt là CPTPP, EVFTA và RCEP)

Hiện Việt Nam tham gia 16 FTA, với trên 50 đối tác thương mại, trong đó có những thị trường xuất khẩu trọng điểm của dệt may Việt Nam (ví dụ EU, Nhật Bản...). Trong các FTA này, sản phẩm dệt may xuất khẩu của Việt Nam đều được hưởng ưu đãi thuế quan ở các mức độ khác nhau tùy thị trường và thời điểm. Đây là cơ hội để Việt Nam cải thiện sức cạnh tranh của các sản phẩm dệt may xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành dệt may, đồng thời hấp dẫn các đơn đặt hàng của các khách hàng nước ngoài cho các thị trường này.

- Ưu thế về nguồn lao động

Lực lượng lao động ngành dệt may Việt Nam được đánh giá là có nền tảng tốt, dễ đào tạo, có kỹ năng và tay nghề tương đối cao, có kinh nghiệm quản lý và sản xuất tốt so với lao động ngành may ở nhiều nước.

Mặc dù bắt đầu có dấu hiệu cạnh tranh về lao động, trên bình diện chung, với tỷ lệ dân số ở độ tuổi lao động cao, Việt Nam được đánh giá là có lực lượng lao động dồi dào.

Thời gian sản xuất và chi phí lao động ở Việt Nam ở mức trung bình, không quá cao (ví dụ chi phí lương cho lao động dệt may tại Việt Nam chỉ bằng 2/3 so với lương tại Indonesia và Malaysia).

Lợi thế về lao động mang lại sức hút lớn cho Việt Nam, đặc biệt trong thu hút các đơn đặt hàng gia công.

- Trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ-Trung, ngành dệt may có thể là điểm đến của làn sóng chuyển dịch đầu tư ngành dệt may từ Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc),... cũng như tranh thủ các cơ hội thị trường nhất định ở Mỹ - thị trường xuất khẩu dệt may hàng đầu của Việt Nam.

Mặc dù vậy, ngành dệt may Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều hạn chế cố hữu đồng thời xuất hiện nhiều nguy cơ mới, có thể cản trở ngành tiếp tục phát triển:

- **Sản xuất chủ yếu là gia công**

Sản xuất xuất khẩu dệt may Việt Nam chủ yếu theo phương thức gia công cắt-may (65%), công đoạn có giá trị gia tăng gần như thấp nhất trong chuỗi sản xuất, do đó giá trị gia tăng thực thu được rất thấp (chỉ khoảng 2-5% giá FOB sản phẩm).

- **Nhập khẩu phần lớn nguyên phụ liệu**

Hiện chuỗi giá trị sản xuất dệt may của Việt Nam chưa hoàn thiện (dệt nhuộm yếu kém đang là điểm nghẽn khiến cho chuỗi dệt may từ xơ sợi – dệt nhuộm – cắt may bị đứt gãy: 2/3 sản lượng sợi phải xuất khẩu trong khi ngành may mặc phải nhập khẩu 70% nguyên vật liệu đầu vào). Điều này khiến khả năng tận dụng các ưu đãi thuế quan theo các FTA giảm (do không đáp ứng quy tắc xuất xứ).

- **Những bất cập về nguồn lao động**

Thiếu hụt nguồn nhân lực được đào tạo bài bản có kỹ năng, có kinh nghiệm về quản lý, tiếp thị, kỹ năng thiết kế, phát triển sản phẩm là hạn chế cố hữu của ngành mà nhiều năm chưa khắc phục được. Một vài năm trở lại đây bắt đầu xuất hiện tình trạng thiếu hụt, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cả về lao động giản đơn trong ngành.

Một số xu hướng khác cũng đang khiến lao động Việt Nam giảm sức hút, chi phí sản xuất dệt may tăng, ví dụ vấn đề năng suất lao động ít cải thiện, giá nhân công tăng.

- **Hạn chế về công nghệ, thương hiệu**

Công nghệ dệt may trên thế giới có sự thay đổi rất nhanh (đặc biệt là các khía cạnh như chất liệu dệt may, tự động hóa trong các khâu), trong khi sự thích ứng, đổi mới của phần lớn doanh nghiệp dệt may còn chậm chạp.

Do những hạn chế trong công tác thiết kế mẫu mã, quảng bá, phát triển dòng sản phẩm, ngành dệt may chưa có nhiều thương hiệu đáng chú ý, đặc biệt trên thị trường thế giới.

- **Sự thiếu nhất quán trong các chính sách đối với ngành dệt may**

Là ngành sử dụng nhiều lao động, đứng trong топ đầu về kim ngạch xuất khẩu, ngành dệt may là đối tượng của nhiều chính sách thúc đẩy phát triển của Nhà nước. Mặc dù vậy, vẫn có không ít các chính sách, quy định chưa phù hợp, thiếu nhất quán làm cản trở hoặc gây khó khăn cho sự phát triển của ngành dệt may (ví dụ quy định về tiêu chuẩn nước thải cao khiến chi phí sản xuất dệt nhuộm tăng, quy định về tiêu chuẩn hóa chất/kỹ thuật trong nguyên phụ liệu may mặc khiến chi phí nhập khẩu lớn...)

- **Nguy cơ từ các biện pháp phòng vệ thương mại**

Dệt may nằm trong nhóm các sản phẩm thường bị kiện và bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ) trên thế giới. Trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn, các nguy cơ này cũng gia tăng tương ứng.

- **Khó khăn từ tình hình thế giới**

Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung và những bất ổn trong thương mại toàn cầu khiến tăng trưởng của hầu hết các nền kinh tế trên thế giới giảm tốc dẫn tới nhu cầu tiêu thụ sản phẩm may mặc giảm, dòng chảy thương mại bị chuyển hướng dẫn tới cạnh tranh phức tạp ở nhiều thị trường... Đầu ra của dệt may Việt Nam vì vậy có thể bị ảnh hưởng trong lâu dài.



Cơ hội đối với ngành dệt may Việt Nam từ CPTPP?

Với việc CPTPP có hiệu lực, ngành dệt may Việt Nam đang có những cơ hội quan trọng để phát triển, gia tăng xuất khẩu sang các thị trường CPTPP, đặc biệt là:

Cơ hội tiếp cận các thị trường xuất khẩu CPTPP

Các cam kết cắt giảm thuế quan mạnh của các đối tác CPTPP cho dệt may Việt Nam sẽ giúp nhóm hàng hóa này có thêm nhiều cơ hội tiếp cận các thị trường này, nhất là ở các thị trường mà trước CPTPP Việt Nam chưa có FTA (Canada, Mexico, Peru).

Hơn nữa, các thị trường CPTPP lại là những thị trường nhập khẩu nhiều hàng dệt may, và dư địa thị trường dệt may nhập khẩu ở các nước CPTPP cho dệt may Việt Nam vẫn còn rất lớn (xem Bảng).

Bảng

Thị phần dệt may của Việt Nam trong nhập khẩu của các nước CPTPP

Đối tác	Mã HS	Giá trị NK từ Việt Nam (nghìn USD)	Giá trị NK từ thế giới (nghìn USD)	Thị phần nhập khẩu
Australia	Chương 50-60 – Hàng dệt và nguyên liệu hàng dệt may	36.693	1.436.895	2,55%
	Chương 61-63 – Hàng may mặc	281.022	8.014.971	3,51%
Brunei	Chương 50-60	137	6.263.219	0,0022%
	Chương 61-63	379	32.155.414	0,0012%
Canada	Chương 50-60	39.424	3.341.042	1,18%
	Chương 61-63	895.741	11.095.192	8,07%
Chi-lê	Chương 50-60	26.187	859.748	3,05%
	Chương 61-63	64.222	3.628.242	1,77%
Nhật Bản	Chương 50-60	26.187	859.748	3,05%
	Chương 61-63	64.222	3.628.242	1,77%
Mexico	Chương 50-60	30.354	6.477.495	0,47%
	Chương 61-63	267.502	4.473.749	5,98%
Malaysia	Chương 50-60	103.318	1.858.887	5,56%
	Chương 61-63	144.410	2.246.703	6,43%
New Zealand	Chương 50-60	4.869	437.478	1,11%
	Chương 61-63	44.364	1.449.117	3,06%
Peru	Chương 50-60	15.846	1.156.330	1,37%
	Chương 61-63	25.055	884.676	2,83%
Singapore	Chương 50-60	18.078	678.620	2,66%
	Chương 61-63	162.405	2.684.237	6,05%

Nguồn: Trademap, truy cập tháng 10/2019

Cơ hội từ môi trường kinh doanh được cải thiện

CPTPP cùng với các cam kết về quy tắc, thể chế, minh bạch hóa, chống tham nhũng, đặc biệt là trong các thủ tục xuất nhập khẩu và môi trường kinh doanh sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam nói chung, qua đó giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp. Điều này là rất có ý nghĩa với các ngành sản xuất xuất khẩu như dệt may.

Ngoài ra, những cải cách về thể chế dưới sức ép, đòi hỏi từ CPTPP cũng như cơ hội ưu đãi thuế quan với sản phẩm có xuất xứ cũng sẽ được kỳ vọng tạo thêm sức thu hút thêm đầu tư trong nước và nước ngoài vào hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có lĩnh vực dệt may, đặc biệt là trong mảng công nghiệp phụ trợ ngành dệt may.

Cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ

Dệt may là một ngành sử dụng nhiều lao động, trong đó phần lớn là lao động giản đơn và lao động nữ. Thông qua việc thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm dệt may Việt Nam sang các nước CPTPP, Hiệp định này mang đến cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động trong khu vực này, đặc biệt là:

- Cải thiện thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, qua đó nâng cao tiếng nói và vai trò của nhóm này và giảm tình trạng phân biệt đối xử về giới
- Tăng cơ hội nghề nghiệp cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ và lao động giản đơn
- Tăng phúc lợi cho người lao động

Ngoài ra, thông qua việc Việt Nam bảo đảm thực thi các cam kết về lao động, người lao động trong ngành dệt may có thể được hưởng lợi từ các cải thiện về điều kiện lao động, sản xuất.

Cơ hội cắt giảm chi phí sản xuất, cải thiện năng lực cạnh tranh

Trong CPTPP, Việt Nam đưa ra khá nhiều các cam kết trong các lĩnh vực dịch vụ, thể chế có thể giúp các doanh nghiệp sản xuất, trong đó có ngành dệt may, tiết kiệm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, ví dụ:

- Các cam kết mở cửa các thị trường dịch vụ phục vụ sản xuất như tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán), viễn thông, logistics...ở mức cao hơn WTO sẽ giúp cạnh tranh trong các lĩnh vực này tốt hơn, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp sản xuất tiếp cận các dịch vụ này với chất lượng tốt hơn, chi phí hợp lý hơn, từ đó giảm chi phí dịch vụ trong giá thành sản phẩm
- Các cam kết thúc đẩy môi trường cạnh tranh, các phương thức thương mại hiện đại, hỗ trợ doanh nghiệp (cạnh tranh, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa...) là điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cải thiện cải thiện năng lực cạnh tranh, tiếp cận tốt hơn với khách hàng



Thách thức từ CPTPP đối với ngành dệt may Việt Nam?

Về cơ bản, CPTPP không tạo thêm áp lực cạnh tranh nào quá lớn cho ngành dệt may Việt Nam (kể cả ở thị trường trong nước khi Việt Nam mở cửa). Mặc dù vậy, doanh nghiệp dệt may Việt Nam vẫn cần chú ý một số vấn đề sau:

- Khả năng hưởng ưu đãi thuế quan trong CPTPP phụ thuộc vào khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ đối với từng nhóm hàng dệt may
- Xu thế gia tăng bảo hộ trên thế giới dưới nhiều dạng thức khác nhau, đặc biệt là nguy cơ lạm dụng các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp, cũng bắt đầu xuất hiện ở các nước CPTPP



Dệt may Việt Nam cần chú ý điều gì để tận dụng các cơ hội từ CPTPP?

Giải pháp tận dụng cơ hội từ CPTPP

CPTPP có nhiều cam kết có lợi cho xuất khẩu dệt may. Do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ càng các nội dung liên quan của CPTPP để từ đó có kế hoạch/chiến lược kinh doanh thích hợp, tận dụng được tối đa các lợi ích của Hiệp định:

- **Tìm hiểu cam kết thuế quan** của từng nước thành viên CPTPP trong Phụ lục 2-D thuộc Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa của Hiệp định. Cần lưu ý là các cam kết trong CPTPP là cam kết tối thiểu của các nước thành viên. Trên thực tế, các nước có thể cắt giảm thuế quan cao hơn cam kết tùy nhu cầu. Do đó, để biết chính xác nhất mức thuế quan của một nước thành viên CPTPP áp dụng đối với từng mặt hàng dệt may Việt Nam thì doanh nghiệp cần kiểm tra biểu thuế quan ưu đãi theo CPTPP của nước đó áp dụng cho từng năm cụ thể.

Ngoài ra, cần chú ý rằng với nhiều thị trường, Việt Nam đã có một hoặc một số FTA khác ngoài CPTPP. Do đó bên cạnh CPTPP, doanh nghiệp cần tìm hiểu cả các cam kết thuế quan trong các FTA khác liên quan để lựa chọn FTA có lợi nhất về thuế quan cho mình (cùng với điều kiện về xuất xứ thích hợp nhất).

- **Tìm hiểu các quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ** để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP trong Chương 4 – Dệt may. Cần chú ý là các quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may trong CPTPP tương đối đặc thù và phức tạp, vì vậy doanh nghiệp cần đặc biệt chú ý tìm hiểu cụ thể để áp dụng chuẩn xác.
- **Tìm hiểu các vấn đề liên quan khác** như Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại (Chương 5), Phòng vệ thương mại (Chương 6), TBT (Chương 8)

Giải pháp đối với doanh nghiệp

Nâng cao năng lực cạnh tranh là giải pháp bền vững cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam, không chỉ trong tận dụng các cơ hội từ CPTPP hay từ các FTA khác mà còn bảo đảm sự phát triển ổn định, ứng phó hiệu quả với các thách thức nói chung từ hội nhập. Trong quá trình này, các doanh nghiệp cần chú ý một số khía cạnh sau:

- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn lao động chất lượng, đặc biệt là lao động kỹ thuật cao (thích ứng với công nghệ sản xuất mới), lao động trong các lĩnh vực thiết kế sản phẩm, bán hàng và cả lao động cấp cao (quản trị doanh nghiệp)
- Đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm
- Có kế hoạch cụ thể và bền vững chuyển đổi sản xuất để tham gia vào các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi sản xuất hàng dệt may
- Đối với thị trường xuất khẩu: Thường xuyên theo dõi các động thái liên quan tới các biện pháp phòng vệ và các rào cản thị trường khác đối với hàng dệt may ở các thị trường xuất khẩu để có kế hoạch ứng phó kịp thời
- Đối với thị trường nội địa: Có kế hoạch cụ thể để gia tăng thị phần trên thị trường nội địa thông qua các giải pháp về (i) xây dựng đội ngũ thiết kế sản phẩm phù hợp thị hiếu khách hàng nội địa; (ii) phát triển, quảng bá các thương hiệu sản phẩm cho khách hàng nội địa; (iii) có quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm bảo đảm chất lượng sản phẩm tiêu thụ nội địa (tương tự như cơ chế kiểm soát chất lượng của khách hàng nước ngoài khi đặt hàng gia công).

Giải pháp chính sách

Đề xuất khẩu sang các thị trường CPTPP nói riêng và thế giới nói chung, dệt may Việt Nam cần khắc phục các hạn chế hiện tại thông qua các giải pháp chính sách với cả ngành (doanh nghiệp đơn lẻ khó thực hiện), đặc biệt là các giải pháp nhằm:

- Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ dệt may (đặc biệt là công nghiệp dệt nhuộm) với các chính sách đồng bộ (về các cơ chế khuyến khích/hỗ trợ liên quan tới thuế, mặt bằng sản xuất, cơ sở hạ tầng logistics, tiêu chuẩn môi trường, điều kiện lao động....)
- Cải thiện chất lượng nguồn lao động (thông qua các cơ chế khuyến khích-hỗ trợ đào tạo nghề)
- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ để các doanh nghiệp chuyển dần từ sản xuất gia công sang các công đoạn khác có giá trị cao hơn trong chuỗi sản xuất hàng dệt may

SỔ TAY DOANH NGHIỆP

HIỆP ĐỊNH

ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)

VÀ NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
Nguyễn Minh Huệ

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. Nguyễn Thị Thu Trang

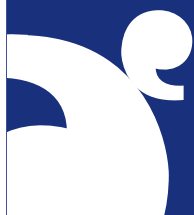
Biên tập: Tôn Nữ Ngọc Bích
Chế bản: Nguyễn Thái Dũng
Trình bày bìa: Thaidung85@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024-3934 1562 Fax: 024-3938 7164
Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com>
E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 12x22 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 14 ngõ 464 Đ.Ấu Cơ, P.Nhật Tân, Q.Tây Hồ, Hà Nội
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 4749-2019/CXBIPH/07-199/CT
Số Quyết định xuất bản: 320C/QĐ - NXBCT ngày 22 tháng 11 năm 2019
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2019
Mã số ISBN: 978-604-9885-12-9

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458; Fax: +84 24 35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn



TUYỂN TẬP SỔ TAY DOANH NGHIỆP VỀ CPTPP

1. CPTPP & Ngành Logistics Việt Nam
2. CPTPP & Ngành Phân phối – Thương mại Điện tử Việt Nam
3. CPTPP & Ngành Viễn thông Việt Nam
4. CPTPP & Ngành Rau quả Việt Nam
5. CPTPP & Ngành Chăn nuôi và chế biến thịt Việt Nam
6. CPTPP & Ngành Thủy sản Việt Nam
7. **CPTPP & Ngành Dệt may Việt Nam**
8. CPTPP & Ngành Giày dép Việt Nam
9. CPTPP & Ngành Chế biến xuất khẩu Gỗ Việt Nam
10. CPTPP & Ngành Đồ uống Việt Nam

ISBN: 978-604-988-512-9



9 786049 885129